

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 12 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025, kế hoạch vốn năm 2021, 2022, 2023 kéo dài sang năm 2024 và năm 2024 các Chương trình mục tiêu quốc gia, tỉnh Bắc Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội Về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội Về phân bổ vốn ngân sách trung ương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội Về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ Công nhận huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023;

Xét Tờ trình số 228/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025, kế hoạch vốn năm 2021, 2022, 2023 kéo dài sang năm 2024 và năm 2024 các Chương trình mục tiêu quốc gia, tỉnh Bắc Giang

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

a) Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

- Điều chỉnh giảm 9.500 triệu đồng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh, bao gồm:

+ Điều chỉnh giảm 9.000 triệu đồng đã giao cho 09 xã: Thái Sơn, Hòa Sơn (huyện Hiệp Hòa); Thanh Lâm (huyện Lục Nam); Tân Liễu, Nội Hoàng, Hương Gián (huyện Yên Dũng); Phượng Sơn, Đồng Cốc, Tân Mộc (huyện Lục Ngạn);

+ Điều chỉnh giảm 100 triệu đồng từ nội dung khen thưởng địa phương làm tốt của chương trình;

+ Điều chỉnh giảm 400 triệu đồng từ nội dung dự phòng của chương trình.

- Điều chỉnh tăng 9.500 triệu đồng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh, bao gồm:

+ Điều chỉnh tăng 2.500 triệu đồng cho xã Canh Nậu (huyện Yên Thế);

+ Điều chỉnh tăng 7.000 triệu đồng cho 07 xã: Hợp Thịnh, Xuân Cẩm, Đông Lỗ (huyện Hiệp Hòa); Vân Hà, Minh Đức (thị xã Việt Yên); Liên Chung (huyện Tân Yên); Lan Mẫu (huyện Lục Nam).

(Chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo)

b) Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024

- Điều chỉnh giảm 2.000 triệu đồng kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh giao cho 2 xã: Tân Liễu và Tư Mại huyện Yên Dũng.

- Điều chỉnh tăng 2.000 triệu đồng kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh cho huyện Lục Nam và huyện Tân Yên.

(Chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo)

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

a) Điều chỉnh kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2021 kéo dài sang năm 2024

- Điều chỉnh giảm 284,4 triệu đồng nội dung Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thuộc Tiểu dự án 3 (Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo) Dự án 1: Chương trình 30a (Huyện Sơn Động)¹.

¹ Tên dự án thành phần thực hiện theo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

- Điều chỉnh tăng 284,4 triệu đồng thực hiện duy tu, bảo dưỡng trên địa bàn huyện Sơn Động thuộc Tiểu dự án 1 (Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo) Dự án 1 (Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo)².

(Chi tiết tại Biểu số 03 kèm theo)

b) Điều chỉnh kế hoạch vốn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2022 kéo dài sang năm 2024

- Điều chỉnh giảm 1.021,608 triệu đồng kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2022 kéo dài sang năm 2024, gồm:

+ Điều chỉnh giảm 704,44 triệu đồng thuộc Dự án 4 (Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững).

+ Điều chỉnh giảm 317,168 triệu đồng Tiểu dự án 2 (Giám sát, đánh giá Chương trình) thuộc Dự án 7 (Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình).

- Điều chỉnh tăng 1.021,608 triệu đồng kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2022 kéo dài sang năm 2024 để thực hiện duy tu, bảo dưỡng trên địa bàn huyện Sơn Động thuộc Tiểu dự án 1 (Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo) Dự án 1 (Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo).

(Chi tiết tại Biểu số 04 kèm theo)

c) Điều chỉnh kế hoạch vốn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2023 kéo dài sang năm 2024

- Điều chỉnh giảm 4.957,16 triệu đồng kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2023 kéo dài sang năm 2024, gồm:

+ Điều chỉnh giảm 4.088,16 triệu đồng Dự án 4 (Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững).

+ Điều chỉnh giảm 869,03 triệu đồng Dự án 7 (Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình).

- Điều chỉnh tăng 4.957,16 triệu đồng kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2023 kéo dài sang năm 2024 để thực hiện duy tu, bảo dưỡng trên địa bàn huyện Sơn Động thuộc Tiểu dự án 1 (Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo) Dự án 1 (Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo).

(Chi tiết tại Biểu số 05 kèm theo)

d) Điều chỉnh kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024

- Điều chỉnh giảm 4.934,9 triệu đồng kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024, gồm:

+ Điều chỉnh giảm 2.991,9 triệu đồng Dự án 4 (Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững).

+ Điều chỉnh giảm 9 triệu đồng Dự án 5 (Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc huyện nghèo Sơn Động).

² Tên dự án thành phần thực hiện theo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

+ Điều chỉnh giảm 1.294 triệu đồng Tiểu dự án 1 (Giám nghèo về thông tin thuộc Dự án 6 (Truyền thông và giảm nghèo về thông tin) đã cho huyện Sơn Động và huyện Yên Thế.

+ Điều chỉnh giảm 640 triệu đồng Dự án 7 (Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình).

- Điều chỉnh tăng 4.934,9 triệu đồng kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024, gồm:

+ Điều chỉnh tăng 400 triệu đồng Dự án 2 (Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo).

+ Điều chỉnh tăng 4.328,9 triệu đồng thực hiện Dự án 4 (Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững).

+ Điều chỉnh tăng 158 triệu đồng Tiểu dự án 2 (Truyền thông về giảm nghèo) thuộc Dự án 6 (Truyền thông và giảm nghèo về thông tin) cho thị xã Việt Yên.

+ Điều chỉnh tăng 48 triệu đồng Tiểu dự án 2 (Giám sát, đánh giá) thuộc Dự án 7 (Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình).

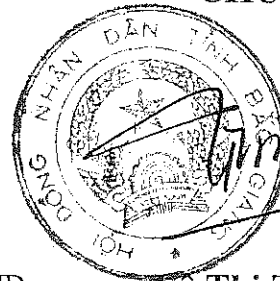
(Chi tiết tại Biểu số 06 kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 18 thông qua. /

Nơi nhận: /

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy; HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.



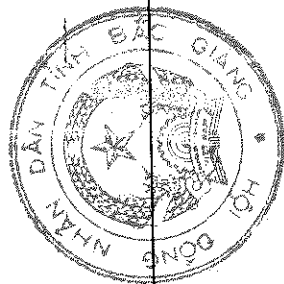
CHỦ TỊCH

Lê Thị Thu Hồng

**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TỈNH
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

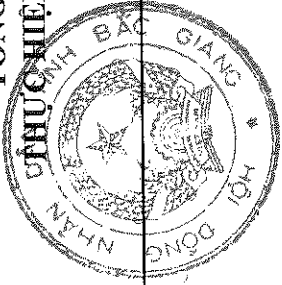
(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng



TT	Đơn vị/Nội dung	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (đã giao theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng Nhân dân; Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh)	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (đã giao theo công văn số 1708/HĐND-CTHĐND ngày 09/12/2024 của Thường trực HĐND; Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh)	Nguồn vốn ngân sách tỉnh điều chỉnh giảm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh điều chỉnh tăng	Nguồn vốn ngân sách tỉnh sau điều chỉnh
	TỔNG SỐ	74.000	71.400	9.500	9.500	87.900
I	Tổng kế hoạch vốn các xã của UBND các huyện, thành phố	16.500	3.000	9.000	9.500	20.000
1	Huyện Lục Ngạn	3.000	-	3.000	-	-
2	Huyện Lục Nam	2.500	1.000	1.000	1.000	3.500
3	Huyện Yên Thế	-	-	-	2.500	2.500
4	Huyện Tân Yên	-	-	-	1.000	1.000
5	Huyện Hiệp Hoà	3.000	1.000	2.000	3.000	5.000
6	Huyện Yên Dũng	8.000	-	3.000	-	5.000
7	Huyện Việt Yên	-	1.000	-	2.000	3.000
II	Khen thưởng địa phương làm tốt	44.700	47.400	100	-	47.300
IV	Hỗ trợ hợp tác xã và dự phòng	12.800	21.000	400	-	20.600

**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TỈNH
ĐIỂN HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**
(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Bắc Giang)



STT	Danh mục/địa phương/đơn vị	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh đã giao tại Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND; Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND (tỉnh)	Điều chỉnh kế hoạch vốn ĐTPT ngân sách tỉnh năm 2024		Kế hoạch vốn ĐTPT ngân sách tỉnh năm 2024 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
	Tổng số	15.400	2.000	2.000	15.400	
1	UBND xã Tư Mại, huyện Yên Dũng	1.000	1.000		-	
2	UBND xã Tân Liễu, huyện Yên Dũng	1.000	1.000		-	
3	UBND huyện Lục Nam	-	-	1.000	1.000	
4	UBND huyện Tân Yên	13.400	-	1.000	14.400	

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2021 KÉO DÀI SANG NĂM 2024 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG, TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án/Nội dung	Đơn vị giao kế hoạch chi tiết/Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2021 được giao tại Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 14/2/2022 (Công văn số 80/HĐND-CTHĐND ngày 14/02/2022 của Thường trực HĐND tỉnh)	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2021 kéo dài sang năm 2024	Điều chỉnh kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2021 kéo dài sang năm 2024		Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2021 kéo dài sang năm 2024 sau điều chỉnh
					Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	
	TỔNG SỐ		1.742,4	284,4	284,4	284,4	284,4
1	Dự án 1: Chương trình 30a (Huyện Sơn Động)(*)		1.742,4	284,4	284,4	0,0	0,0
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo		1.742,4	284,4	284,4		0,0
-	Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế	UBND huyện Sơn Động giao kế hoạch chi tiết	1.742,4	284,4	284,4		0,0
2	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo (**)					284,4	284,4
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo					284,4	284,4
-	Duy tu, bảo dưỡng trên địa bàn huyện Sơn Động	UBND huyện Sơn Động giao kế hoạch chi tiết				284,4	284,4

Chú thích: (*) Tên dự án thành phần thực hiện theo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020./.

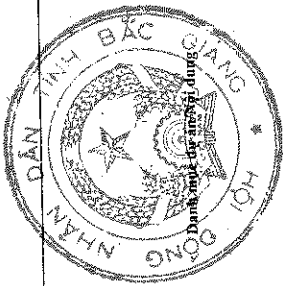
(**) Tên dự án thành phần thực hiện theo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025./.

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 KÉO DÀI SANG NĂM 2024 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG, TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị giao kế hoạch chi tiết/Chủ đầu tư	Danh mục dự án/Nội dung	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2022 được giao tại Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 (Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh)			Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2022 kéo dài sang năm 2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2022 kéo dài sang năm 2024			Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2022 kéo dài sang năm 2024 sau điều chỉnh			
			Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:			
			Tổng số	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp kinh tế	Tổng số	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp kinh tế	Tổng số	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp kinh tế	Tổng số	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp kinh tế	
		TỔNG SỐ	5.307,0	3.176,0	2.131,0	1.021,608	797,608	224,0	1.021,608	0,0	1.021,608	0,0	1.021,608	0,0	1.021,608
1		Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	1.907,0	0,0	1.907,0	0,0	0,0	0,0	1.021,608	0,0	1.021,608	0,0	1.021,608	0,0	1.021,608
1.1		Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	1.907,0	0,0	1.907,0	0,0	0,0	0,0	1.021,608	0,0	1.021,608	0,0	1.021,608	0,0	1.021,608
		Duy tu, bảo dưỡng trên địa bàn huyện Sơn Động	1.907,0		1.907,0										
2		Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	2.992,0	2.768,0	224,0	704,4	480,4	224,0	704,4	480,4	224,0	0,0	0,0	0,0	0,0
2.1		Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	2.768,0	2.768,0	0,0	480,4	480,4	0,0	480,4	480,4	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
		Huyện Việt Yên	402,0	402,0		402,0	402,0		402,0	402,0					
		Huyện Sơn Động	2.366,0	2.366,0		78,44	78,44		78,44	78,44					
2.2		Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	224,0		224,0	224,0			224,0						
3		Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	408,0	408,0	0,0	317,168	317,168	0,0	317,168	317,168	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
3.1		Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá Chương trình	408,0	408,0	0,0	317,168	317,168	0,0	317,168	317,168	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	292,0	292,0		292,0	292,0		292,0	292,0					



STT	Đơn vị giao kế hoạch chi tiêu/Chi đầu tư	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2022 được giao (tại Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 (Ngày quyết số 10/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh)		Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2022 kéo dài sang năm 2024		Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2022 kéo dài sang năm 2024		Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2022 kéo dài sang năm 2024		
		Tổng số	Trong đó: Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp kinh tế	Tổng số	Trong đó: Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp kinh tế	Tổng số	Trong đó: Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp kinh tế
	UBND huyện Hiệp Hòa giao kế hoạch chi tiết	116,0	116,0		25,168	25,168	25,168	25,168	25,168	
	Huyện Hiệp Hòa									

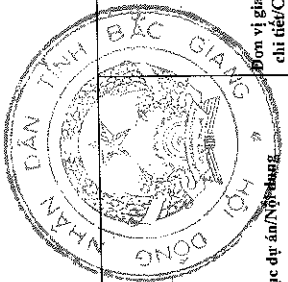
TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 KÉO DÀI SANG NĂM 2024 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG, TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án/Nội dung	Đơn vị giao kế hoạch chi tiêu/Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2023 được giao tại Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 (Công văn số 213/HĐND-CTHĐND ngày 29/3/2023 của Thường trực HĐND tỉnh)			Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2023 kéo dài sang năm 2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2023 kéo dài sang năm 2024			Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2023 kéo dài sang năm 2024 sau điều chỉnh					
			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
				Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Các hoạt động kinh tế		Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Các hoạt động kinh tế		Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Các hoạt động kinh tế		Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Các hoạt động kinh tế			
			19.790,00	6.387,00	13.403,00	5.172,00	3.411,13	1.760,87	4.957,16	3.355,89	1.621,27	4.957,16	0,00	4.957,16	5.172,00	75,24	5.096,76
	TỔNG SỐ																
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo		10.422,00		10.422,00	0,00		0,00	4.957,16			4.957,16	0,00	4.957,16	4.957,16		4.957,16
I	Tiền dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo		10.422,00		10.422,00	0,00		0,00	4.957,16			4.957,16	0,00	4.957,16	4.957,16		4.957,16
	Duy tu, bảo dưỡng trên địa bàn huyện Sơn Động	UBND huyện Sơn Động giao kế hoạch chi tiết	10.422,00		10.422,00	0,00		0,00	4.957,16			4.957,16	0,00	4.957,16	4.957,16		4.957,16
II	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững		7.623,00	4.642,00	2.981,00	4.227,73	2.466,86	1.760,87	4.088,13	2.466,86	1.621,27	0,00	0,00	0,00	139,60	0,00	139,60
I	Tiền dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		4.642,00	4.642,00	0,00	2.466,86	2.466,86	0,00	2.466,86	2.466,86	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
I.1	Đào tạo trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo dưới 3 tháng	UBND các huyện, thành phố giao kế hoạch, chi tiết	4.642,00	4.642,00	0,00	2.466,86	2.466,86	0,00	2.466,86	2.466,86	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	Huyện Việt Yên		674,00	674,00		674,00	674,00		674,00	674,00				0,00	0,00	0,00	
	Huyện Sơn Động		3.968,00	3.968,00		1.792,86	1.792,86		1.792,86	1.792,86				0,00	0,00	0,00	
2	Tiền dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Sở Lao động - Thương binh và XH	730,00	0,00	730,00	665,87	665,87	665,87	665,87	665,87				0,00	0,00	0,00	0,00
3	Tiền dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững		2.251,00	0,00	2.251,00	1.095,00	0,00	1.095,00	955,40	0,00	955,40	0,00	0,00	0,00	139,60	0,00	139,60





STT	Đơn vị giao kế hoạch chi tiết/Chi đầu tư	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2023 được giao tại Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 (Công văn số 213/HĐND-CTHĐND ngày 29/3/2023 của Thường trực HĐND tỉnh)		Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2023 kéo dài sang năm 2024		Điều chỉnh kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2023 kéo dài sang năm 2024		Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2023 kéo dài sang năm 2024 sau điều chỉnh					
		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:					
		Tổng số	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Các hoạt động kinh tế	Tổng số	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Các hoạt động kinh tế	Tổng số	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Các hoạt động kinh tế			
3.1	Hỗ trợ việc làm bền vững (do các huyện, thành phố thực hiện)	2.251,00	0,00	2.251,00	0,00	1.095,00	955,40	0,00	0,00	0,00	139,60	0,00	139,60
-	Huyện Hiệp Hoà	879,00		879,00		870,60	731,00				139,60		139,60
-	Huyện Sơn Đông	1.372,00		1.372,00		224,40	224,40				0,00		0,00
III	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	1.745,00	1.745,00	0,00	944,27	0,00	869,03	0,00	0,00	0,00	75,24	75,24	0,00
1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực	1.116,00	1.116,00	0,00	371,03		371,03				0,00	0,00	
-	Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình (do cấp tỉnh thực hiện)	1.116,00	1.116,00	0,00	371,03		371,03				0,00	0,00	
2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá Chương trình	629,00	629,00	0,00	573,24	0,00	498,00	0,00	0,00	0,00	75,24	75,24	0,00
2.1	Giám sát, đánh giá (do cấp tỉnh thực hiện)	446,00	446,00	0,00	404,00	0,00	404,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
-	Giám sát, đánh giá	446,00	446,00	0,00	404,00		404,00				0,00	0,00	
2.2	Giám sát, đánh giá (do các huyện, thành phố thực hiện)	183,00	183,00	0,00	169,24	0,00	94,00	0,00	0,00	0,00	75,24	75,24	0,00
-	Huyện Hiệp Hoà	183,00	183,00	0,00	169,24		94,00				75,24	75,24	

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIÁM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024, TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

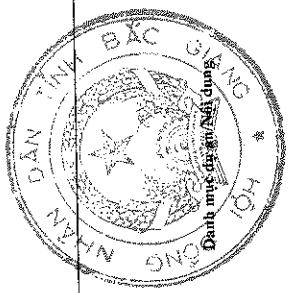
Đơn vị: Triệu đồng



STT	Danh mục dự án/đơn vị	Đơn vị giao kế hoạch chi tiết/Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024 được giao tại Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 (Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)						Điều chỉnh kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024						Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024 sau điều chỉnh							
			Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:				
			Tổng số	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Các hoạt động kinh tế	Tổng số	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Các hoạt động kinh tế	Tổng số	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Các hoạt động kinh tế	Tổng số	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Các hoạt động kinh tế	Tổng số	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Các hoạt động kinh tế
	TỔNG SỐ		18.286,0	6.670,0	1.677,0	9.939,0	1.273,0	1.294,0	4.934,9	2.367,9	1.294,0	1.273,0	4.934,9	4.276,9	158,0	500,0	18.286,0	8.579,0	541,0	9.166,0		
I	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	UBND các huyện, thành phố giao kế hoạch chi tiết	3.502,0	0,0	0,0	3.502,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	400,0	3.902,0	0,0	0,0	3.902,0		
-	Huyện Yên Thế		3.502,0			3.502,0			400,0			400,0				400,0	3.902,0			3.902,0		
II	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững		7.549,0	4.957,0	0,0	2.592,0	0,0	1.727,9	2.991,9	1.727,9	0,0	1.264,0	4.328,9	4.228,9	0,0	100,0	8.886,0	7.458,0	0,0	1.428,0		
I	Tiền dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		4.957,0	4.957,0	0,0	0,0	0,0	1.727,9	1.727,9	1.727,9	0,0	0,0	4.228,9	4.228,9	0,0	0,0	7.458,0	7.458,0	0,0	0,0		
1.1	Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (do cấp tỉnh thực hiện)	Sở Lao động - Thương binh và XH	475,0	475,0				35,1	35,1	35,1							439,9	439,9				
1.2	Đào tạo trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo dưới 3 tháng	UBND các huyện, thành phố giao kế hoạch chi tiết	4.482,0	4.482,0	0,0	0,0	0,0	1.692,8	1.692,8	1.692,8	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	2.789,2	2.789,2	0,0	0,0		
-	Huyện Việt Yên		486,0	486,0				486,0	486,0	486,0							0,0	0,0				
-	Huyện Yên Thế		1.135,0	1.135,0				240,0	240,0	240,0							895,0	895,0				
-	Huyện Sơn Động		2.861,0	2.861,0				966,8	966,8	966,8							1.894,2	1.894,2				
1.3	Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo cơ sở GDNN		0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	4.228,9	4.228,9	0,0	0,0	4.228,9	4.228,9	0,0	0,0		
-	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo Trường Cao đẳng Miền núi Bắc Giang	Trường Cao đẳng Miền núi Bắc Giang	0,0										4.228,9	4.228,9			4.228,9	4.228,9		0,0		



STT	Đơn vị giao kế hoạch chi tiết/Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024 được giao tại Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 (Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)						Điều chỉnh kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024						Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024 sau điều chỉnh							
		Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:				
		Tổng số	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Các hoạt động kinh tế	Tổng số	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Các hoạt động kinh tế	Tổng số	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Các hoạt động kinh tế	Tổng số	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Các hoạt động kinh tế	Tổng số	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Các hoạt động kinh tế
2	Ưu đãi dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	2.592,0	0,0	0,0	2.592,0	0,0	0,0	1.264,0	100,0	0,0	0,0	100,0	1.428,0	0,0	0,0	0,0	1.428,0	0,0	0,0	0,0	
2.1	Hỗ trợ việc làm bền vững (do cấp tỉnh thực hiện)	1.440,0			1.440,0			1.000,0					440,0				440,0				
2.2	Hỗ trợ việc làm bền vững (do các huyện, thành phố thực hiện)	1.152,0	0,0	0,0	1.152,0	0,0	0,0	264,0	100,0	0,0	0,0	100,0	988,0	0,0	0,0	0,0	988,0	0,0	0,0	0,0	
-	Huyện Hiệp Hòa	737,0			737,0			264,0					473,0				473,0				
-	Huyện Lạng Giang	415,0			415,0				100,0				515,0				515,0				
III	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc huyện nghèo Sơn Động	3.845,0			3.845,0			9,0					3.836,0				3.836,0				
IV	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	1.677,0	0,0	1.677,0	0,0	1.677,0	0,0	1.294,0	158,0	0,0	158,0	0,0	541,0	0,0	0,0	541,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
I	Ưu đãi dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	1.584,0	0,0	1.584,0	0,0	1.584,0	0,0	1.294,0	0,0	0,0	0,0	0,0	290,0	0,0	0,0	290,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
1.1	Giảm nghèo về thông tin (do các huyện, thành phố thực hiện)	1.584,0	0,0	1.584,0	0,0	1.584,0	0,0	1.294,0	0,0	0,0	0,0	0,0	290,0	0,0	0,0	290,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
-	Huyện Sơn Động	1.134,0			1.134,0			1.134,0					0,0				0,0				
-	Huyện Yên Thế	450,0			450,0			160,0					290,0				290,0				
2	Ưu đãi dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	93,0	0,0	93,0	0,0	93,0	0,0	0,0	158,0	0,0	158,0	0,0	251,0	0,0	0,0	251,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
2.1	Truyền thông và giảm nghèo đa chiều (do các huyện, thành phố thực hiện)	93,0	0,0	93,0	0,0	93,0	0,0	0,0	158,0	0,0	158,0	0,0	251,0	0,0	0,0	251,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
-	Huyện Việt Yên	93,0			93,0			158,0					251,0				251,0				
V	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	1.713,0	1.713,0	0,0	0,0	0,0	0,0	640,0	48,0	0,0	48,0	0,0	1.121,0	0,0	0,0	1.121,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
I	Ưu đãi dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình	1.050,0	1.050,0	0,0	0,0	0,0	0,0	217,0	0,0	0,0	0,0	0,0	833,0	0,0	0,0	833,0	0,0	0,0	0,0	0,0	



STT	Đơn vị giao kế hoạch chi tiết/Chức đầu tư	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024 được giao tại Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 (Nghị quyết số 63/NQ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND tỉnh)				Điều chỉnh kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024				Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024 sau điều chỉnh							
		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:					
		Tổng số	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Các hoạt động kinh tế	Tổng số	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Các hoạt động kinh tế	Tổng số	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Các hoạt động kinh tế	Tổng số	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Các hoạt động kinh tế
-	Năng cao năng lực thực hiện chương trình (do cấp tỉnh thực hiện)	1.050,0	1.050,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	217,0	217,0	0,0	0,0	0,0	833,0	833,0	0,0	0,0
2	Tiền dự án 2: Giám sát, đánh giá Chương trình	663,0	663,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	48,0	48,0	0,0	0,0	0,0	288,0	288,0	0,0	0,0
2.1	Giám sát, đánh giá (do cấp tỉnh thực hiện)	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	48,0	48,0	0,0	0,0
-	Giám sát, đánh giá	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	48,0	48,0	0,0	0,0
2.2	Giám sát, đánh giá (do các huyện, thành phố thực hiện)	663,0	663,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	423,0	423,0	0,0	0,0	0,0	240,0	240,0	0,0	0,0
-	Huyện Lang Giang	195,0	195,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	100,0	100,0	0,0	0,0	0,0	95,0	95,0	0,0	0,0
-	Huyện Hiệp Hòa	310,0	310,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	165,0	165,0	0,0	0,0	0,0	145,0	145,0	0,0	0,0
-	Thị xã Việt Yên	158,0	158,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	158,0	158,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0